

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1324 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2168/TTr-SNNMT ngày 05/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 21 thủ tục hành chính (viết tắt: TTHC) và 20 Quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi giải quyết của Sở

Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

1. 18 TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường.
2. 01 TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở Tài chính.
3. 02 TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ các danh mục thủ tục hành chính: mục V (Lĩnh vực Thú y), mục VI (Lĩnh vực Chăn nuôi), phần A (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành kèm theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An; mục III (Lĩnh vực Thú y), mục IV (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành kèm theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; mục III (Lĩnh vực Thú y), mục IV (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An; mục III (Lĩnh vực Thú y), mục IV (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành kèm theo Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An; mục I (Lĩnh vực Thú y) phần A (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành kèm theo Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; mục II (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), mục I (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần B (Thủ tục hành chính cấp huyện) ban hành kèm theo tại Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực bảo vệ thực vật và chăn nuôi thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Bãi bỏ các quy trình nội bộ, quy trình điện tử: mục V (Lĩnh vực Thú y), mục VI (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) ban hành

kèm theo Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An; mục IX (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh), mục I (Lĩnh vực Chăn nuôi), phần B (Thủ tục hành chính cấp huyện) ban hành kèm theo Quyết định 2682/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; mục IV (Lĩnh vực Thú y), mục V (Lĩnh vực Chăn nuôi) phần A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) ban hành kèm theo Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 6/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Giao Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục có số thứ tự 8, mục I (Lĩnh vực Chăn nuôi) “1.012835. Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi” ban hành kèm theo Quyết định này.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh đề thiết lập quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (đ/c Đệ);
- CVP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (TP, Th).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

PHẦN 1
DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, SỞ TÀI CHÍNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1321 /QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, SỞ TÀI CHÍNH					
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI					
1	1.008126. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên	- Trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế: 5.700.000 đ/01 cơ sở/lần. - Trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế: 1.600.000 đ/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	Cắt giảm thời gian giải quyết 05 ngày làm việc so với quy định đối với cơ sở sản xuất

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.	thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				
2	1.008127. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi:	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường	Phí : 250.000 Đồng Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần Phí : 1.500.000 Đồng Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.	
3	1.008128. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ	Cắt giảm thời gian giải quyết 05 ngày làm việc so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	tuyển một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp	
4	1.008129. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp	
5	1.012832. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư tới tổ chức, cá nhân: 13 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ:	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	Cắt giảm thời gian giải quyết 02 ngày so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			http://dichvucong.nghean.gov.vn			
6	1.012833. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân: 29 ngày, tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	Cắt giảm thời gian giải quyết 03 ngày so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	1.012834. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 18 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	Cắt giảm thời gian giải quyết 02 ngày so với quy định
8	1.012835. Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các	- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đối tượng được hỗ trợ rà soát và lập hồ sơ giải ngân gửi	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Thủ	TTHC thuộc thẩm quyền

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	tới Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh: Trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	giải quyết của Sở Tài chính
II	LĨNH VỰC THÚ Y					
1	1.011475. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp	- Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tỉnh)	- Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định: 22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục;	Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): * Động vật trên cạn: - Tư vấn xét nghiệm: 45.500 - 50.000/lần; - Lấy mẫu: + Lấy mẫu máu trâu bò: 28.000 - 30.800/mẫu; + Lấy mẫu máu tiểu gia súc (lợn, chó, mèo, thỏ....): 17.000 - 18.700/mẫu; + Lấy mẫu máu gia cầm: 4.300 - 4.700/mẫu; + Lấy mẫu khác (swab, phân..): 7.300	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	03 ngày so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- 8.000/mẫu - Chẩn đoán bệnh lý học: + Mô khám đại gia súc (thực địa): 208.000 - 228.000/mẫu; + Mô khám một số bệnh truyền lây nguy hiểm (dại,...): 171.000 - 188.000/mẫu; + Mô khám tiểu gia súc (lợn, chó, mèo, thỏ,...): 45.000 - 49.500/mẫu + Mô khám gia cầm: 26.000 - 28.600/mẫu; + Xét nghiệm vi thể bằng phương pháp Parafin: 245.000 - 270.000/mẫu. - Xét nghiệm:		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				+ Xét nghiệm vi rút: -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time RT-PCR đối với 01 trong số những vi rút RNA gây bệnh sau: Gia cầm: Newcastle (gà); Gumbro (gà); Viêm phế quản (gà); Cúm gia cầm (1 subtype (gene), vd: H5 hoặc N1 hoặc N6) Lợn (Heo): Dịch tả lợn; lở mồm long móng; PRRS (dòng Bắc Mỹ/Trung Quốc hoặc Châu Âu); PED; TGE. Trâu bò: Lở mồm long móng... Khác: Xuất huyết thỏ; Đại và các bệnh do vi rút RNA khác trên động vật.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				(Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 555.000 610.500/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh (Mẫu đã chiết tách RNA): 229.000 252.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện và định type bằng kỹ thuật RT-PCR đối với 01 trong số những vi rút RNA gây bệnh sau: Gia cầm: xác định subtype cúm gia cầm (1 subtype (gene), vd: H5 hoặc N1 hoặc N6) Lợn (heo): định type vi rút lở mồm long		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				móng (1 serotype O, A hoặc Asia) Trâu bò: định type vi rút lở mồm long móng (1 serotype O, A hoặc Asia) Khác: Phát hiện vi rút RNA khác gây bệnh trên động vật. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 877.000 - 965.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện và định type bằng kỹ thuật RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách RNA): 212.000 - 233.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time PCR đối với 01 trong số		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				những vi rút DNA gây bệnh sau: <i>Gia cầm: Dịch tả vịt, Marek</i> <i>Lợn: dịch tả lợn Châu phi, PCV-2, giả dại trên lợn</i> <i>Khác: Đậu dê, u nhầy ở thỏ và các bệnh do vi rút DNA khác trên động vật.</i> <i>(Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc):</i> 495.000 - 544.500/ Mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time PCR đối với 01 vi rút DNA gây bệnh. <i>(Mẫu đã chiết tách DNA):</i> 208.000 - 229.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật PCR đối với 01		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				vi rút DNA gây bệnh trên động vật. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 486.000 - 534.500/ Mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật PCR đối với 01 vi rút DNA gây bệnh trên động vật. (Mẫu đã chiết tách DNA) 187.000 - 206.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Giải trình tự gen cho 24 mẫu (8 đoạn gen/mẫu): 4.767.000 - 5.244.000/mẫu. -> Giải trình tự gen cho 12 mẫu (8 đoạn gen/mẫu): 8.423.000 - 9.266.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Giải trình tự gien cho 24 mẫu (1 đoạn gen/mẫu): 2.959.000 - 3.254.000/mẫu. -> Giải trình tự gien cho 12 mẫu (1 đoạn gen/mẫu): 4.275.000 - 4.702.000/mẫu. -> Định tính kháng thể PRRS (1 chủng) bằng phương pháp IPMA: 75.000 - 82.500/mẫu. -> Định lượng kháng thể PRRS (1 chủng) bằng phương pháp IPMA: 203.000 - 223.000/mẫu. -> Định tính kháng thể dịch tả lợn bằng phương pháp NPLA: 89.000 - 98.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể dịch tả lợn bằng phương pháp NPLA:		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				186.000 - 205.000/mẫu. -> Phân lập trên phôi trứng đối với 01 vi rút gây bệnh trên gia cầm, thủy cầm như cúm, Newcastle, dịch tả vịt, viêm gan vịt và các bệnh khác. (Chưa tính giá xác chẩn lại bằng phương pháp PCR, Realtime PCR, HA hoặc HI,...): 293.000 - 323.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phân lập trên tế bào đối với 01 vi rút như cúm, Newcastle, dịch tả vịt, PRRS, lở mồm long móng, dịch tả lợn và các bệnh khác (Chưa tính giá xác chẩn lại bằng phương pháp PCR, Realtime PCR, HA		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hoặc HI,...): 385.000 - 424.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Xác định serotype vi rút lở mồm long móng bằng kỹ thuật AgELISA: 549.000 - 604.000/mẫu -> Định tính kháng thể dịch tả vịt bằng phương pháp trung hòa trên tế bào: 142.000 - 156.000/mẫu -> Định lượng kháng thể dịch tả vịt bằng phương pháp trung hòa trên tế bào: 178.000 - 196.000/mẫu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng 01 trong số những vi rút gây bệnh		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				dịch tả lợn, PRRS, PCV, PED, TGE, giả dại và các bệnh khác: 152.000 - 167.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Định lượng kháng thể cúm gia cầm bằng phương pháp HI: 86.000 - 95.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể Newcastle bằng phương pháp HI: 46.000 - 50.600/mẫu. -> Định tính kháng thể Gumboro bằng phương pháp AGP: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Định lượng kháng thể Gumboro bằng phương pháp AGP: 43.000 - 47.300/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp trung		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hòa trên tế bào (1 serotype O hoặc A hoặc Asia1): 191.000 - 210.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp trung hòa trên tế bào (2 serotype trong số 3 serotype O, A và Asia1): 313.000 - 344.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp trung hòa trên tế bào (3 serotype O, A và Asia1): 433.000 - 476.000/mẫu. -> Định tính kháng thể LMLM bằng phương pháp LP ELISA (1 serotype O hoặc A hoặc Asia1):		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				153.000 - 168.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp LP ELISA (1 serotype O hoặc A hoặc Asia1): 252.000 - 277.000/mẫu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA 3ABC đối với kháng thể kháng vi rút gây bệnh lở mồm long móng: 191.000 - 210.000/mẫu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng một trong số những vi rút gây bệnh như Gumboro (gà), viêm phế quản (gà), viêm thanh khí quản (gà), Avialeukosis và		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				các bệnh khác: 108.000 - 119.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng một vi rút gây bệnh khác: 108.000 - 119.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện vi rút đại bằng phương pháp kháng thể huỳnh quang trực tiếp (FAT) hoặc IPX: 265.000 - 292.000/mẫu. -> Phát hiện kháng nguyên vi rút dịch tả lợn bằng phương pháp ELISA: 153.000 - 168.000/mẫu. + Xét nghiệm vi trùng:		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí: 168.000 - 184.000/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Salmonella spp</i> : 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> : 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>E.coli</i> : 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Staphylococcus. Spp</i> : 280.000 - 308.500/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Streptococcus</i>. <i>Spp</i>: 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa nấm mốc <i>Aspergillus</i> trên gia cầm: 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn gây bệnh bạch ly và thương hàn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, định typs vi khuẩn gây bệnh Tụ huyết trùng ở trâu bò bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn gây		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				bệnh Đóng dấu bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700 -> Phân lập, giám định vi khuẩn gây bệnh Nhiệt thán bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Heamophilus paragallinarum</i> trên gà bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>E.coli</i> gây phù đầu trên lợn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				khuẩn <i>E.coli</i> gây tiêu chảy trên lợn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Streptococcus suis</i> bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Haemophilus parasuis</i> gây bệnh ở lợn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Clostridium perfringens</i> bằng phương pháp PCR: 666.000 - 733.000/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Clostridium chauvoei</i> bằng phương pháp PCR: 666.000 - 733.000/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Clostridium spp.</i> bằng phương pháp PCR: 666.000 - 733.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Mycoplasma hyopneumoniae</i> bằng phương pháp ELISA:		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				104.000 - 114.400/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Mycoplasma galliseptium</i> bằng phương pháp ELISA: 104.000 - 114.400/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Actinobaccilus Pleuro Pneumonia</i> bằng phương pháp ELISA: 192.000 - 211.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Heamophilus parasuis</i> bằng phương pháp ELISA: 104.000 - 114.400/mẫu. -> Phát hiện kháng thể lao bò bằng phương pháp ELISA: 281.000 - 309.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phát hiện kháng thể <i>Mycoplasma gallisepticum</i> ở gia cầm bằng phương pháp ngưng kết: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Salmonella pullorum</i> ở gia cầm bằng phương pháp ngưng kết: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Phát hiện kháng thể kháng các vi khuẩn khác bằng phương pháp ngưng kết nhanh: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Phản ứng dò lao (Tuberculine) nội bì/gộp 5 mẫu: 321.000 - 353.000/mẫu. -> Kháng sinh đồ đối với 01 vi khuẩn hiếu		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				khí (7 loại kháng sinh): 122.000 - 134.000/mẫu. -> Kháng sinh đồ đối với 01 vi khuẩn yếm khí (7 loại kháng sinh): 151.000 - 166.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể tụ huyết trùng trâu bò bằng phương pháp IHA: 164.000 - 180.000/mẫu. -> Phát hiện vi khuẩn <i>Actinobaccilus Pleuropneumonia</i> bằng phương pháp Realtime-PCR: 512.000 - 563.000/mẫu -> Phát hiện vi khuẩn <i>Mycoplasma hyopneumoniae</i> bằng phương pháp		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Realtime-PCR: 512.000 - 563.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Sảy thai truyền nhiễm bằng phương pháp Elisa: 120.000 - 132.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Sảy thai truyền nhiễm bằng phương pháp Rose Bengal: 76.000 - 83.600/mẫu. -> Phân lập vi khuẩn <i>Brucella</i> bằng phương pháp nuôi cấy: 269.000 - 296.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Leptospira</i> bằng phương pháp MAT: 94.000 - 103.000/mẫu. -> Phát hiện kháng nguyên <i>Leptospira</i> b		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				ằng phương pháp nuôi cấy: 288.000 - 317.000/mẫu. -> Phát hiện kháng nguyên <i>Leptospira</i> hoặc <i>Brucella</i> bằng phương pháp PCR: 555.000 - 610.000/mẫu. -> Phân lập, định danh vi khuẩn bằng máy tự động: 396.000 - 436.000/mẫu. + Xét nghiệm ký sinh trùng: -> Phát hiện 01 loại ký sinh trùng đường máu (<i>Babesia</i> spp.; <i>Anaplasma</i> spp.; <i>Theileria</i> spp.; <i>Trypanosoma</i> spp.) bằng phương pháp PCR: 556.000 -		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				612.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện kháng thể kháng 01 trong số những ký sinh trùng như: <i>Babesia bigemina</i>; <i>Anaplasma marginale</i>; <i>Theileria parva</i> bằng phương pháp ELISA: 214.000 - 236.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện 01 ký sinh trùng đường máu bằng phương pháp nhuộm Giemsa: 72.000 - 79.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Tiên mao trùng bằng phương pháp CATT: 150.000 - 165.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phát hiện <i>Trichomonas foetus</i> bằng phương pháp nuôi cấy: 413.000 - 455.000/mẫu. -> Phát hiện ấu trùng giun xoắn bằng phương pháp tiêu cơ: 156.000 - 172.000/mẫu -> Phát hiện Tiên mao trùng bằng kỹ thuật tiêm truyền trên chuột nhắt trắng: 78.000 - 86.000/mẫu. -> Phát hiện ký sinh trùng đường tiêu hóa bằng phương pháp lắng cận-phủ nổi: 59.000 - 65.000/mẫu. -> Phát hiện trứng sán bằng phương pháp lắng cận: 32.000 - 35.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phát hiện trứng giun tròn, noãn nang cầu trùng, bằng phương pháp phù nổi: 33.000 - 37.000/mẫu. -> Định lượng trứng giun tròn, noãn nang cầu trùng, bào tử bằng phương pháp Mc Master: 41.000 - 45.000/mẫu. -> Phát hiện ngoại ký sinh trùng: 29.000 - 32.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Tiên mao trùng bằng phương pháp ngưng kết: 91.000 - 100.000/mẫu. * Thủy sản: - Phát hiện bằng phương pháp Realtime PCR đối với 01 vi rút DNA		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hoặc 01 vi khuẩn hoặc 01 ký sinh trùng gây bệnh sau: - Vi rút gây bệnh: WSSV, KHV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. - Vi khuẩn gây bệnh: AHPND, vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mũ trên cá da trơn và các vi khuẩn khác gây bệnh trên động vật thủy sản - Ký sinh trùng gây bệnh: bệnh do ký sinh trùng perkinsus và các ký sinh trùng khác gây bệnh trên động vật thủy sản (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc)		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				514.000 - 566.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn gây bệnh bằng phương pháp Realtime PCR (Mẫu đã chiết tách DNA): 233.000 - 256.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp PCR đối với 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn hoặc 01 nấm hoặc 01 ký sinh trùng gây bệnh sau: + Vi rút gây bệnh: MBV, WSSV, IHHNV, HPV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				+Vi khuẩn gây bệnh: Sứa trên tôm hùm, AHPND, vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i> gây bệnh trên cá, vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mủ trên cá da trơn và các vi khuẩn khác gây bệnh trên động vật thủy sản. +Ký sinh trùng, nấm gây bệnh: EUS, bệnh vi bào tử trên tôm, bệnh do ký sinh trùng perkinsus và các ký sinh trùng khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 473.000 - 520.000/mẫu/chỉ tiêu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Phát hiện bằng phương pháp PCR đối với 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn hoặc 01 nấm hoặc 01 ký sinh trùng gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách DNA): 233.000 - 256.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh sau: Vi rút gây bệnh: YHV, TSV, VNN, SVCV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 439.000 -		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				483.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách RNA): 201.000 221.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh sau: Vi rút gây bệnh: YHV, TSV, VNN, IMNV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 589.000 648.000/mẫu/chỉ tiêu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Phát hiện bằng phương pháp RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách RNA): 286.000 - 314.000/mẫu/chỉ tiêu. - Xét nghiệm vi thể bằng phương pháp parafin: 244.000 - 268.000/mẫu. - Kháng sinh đồ đối với vi khuẩn (7 loại kháng sinh): 118.000 - 130.000/mẫu. - Định lượng vi khuẩn tổng số: 188.000 - 207.000/mẫu. - Định lượng Vibrio tổng số: 188.000 - 207.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				khuẩn <i>Staphylococcus</i> spp: 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Streptococcus</i> spp: 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Pseudomonas</i> spp: 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Aeromonas</i> spp: 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Ewardsiella</i> spp: 372.000 - 410.000/mẫu - Phân lập và giám định loài vi khuẩn (1		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				chủng): 372.000 - 410.000/mẫu - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Staphylococcus spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Streptococcus spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Pseudomonas spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Aeromonas spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Ewardsiella</i>		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				spp: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn (1 chủng): 275.000 - 303.000/mẫu. Phát hiện ký sinh trùng bằng phương pháp soi tươi: 36.500 - 40.000/mẫu. - Phân lập trên tế bào đối với các vi rút như: VNN, SVCV, KHV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 236.000 - 259.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bào tử ký sinh trùng bằng kỹ thuật nuôi cấy (RFTM): 119.000 -		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				131.000/mẫu/chỉ tiêu. (Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)		
2	1.011477 Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin	300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
3	1.011478. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	- Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục;	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ:	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (theo khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): * Động vật trên cạn: - Tư vấn xét nghiệm: 45.500 - 50.000/lần; - Lấy mẫu:	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			http://dichvucong.nghean.gov.vn	+ Lấy mẫu máu trâu bò: 28.000 - 30.800/mẫu; + Lấy mẫu máu tiêu gia súc (lợn, chó, mèo, thỏ...): 17.000 - 18.700/mẫu; + Lấy mẫu máu gia cầm: 4.300 - 4.700/mẫu; + Lấy mẫu khác (swab, phân..): 7.300 - 8.000/mẫu - Chẩn đoán bệnh lý học: + Mô khám đại gia súc (thực địa): 208.000 - 228.000/mẫu; + Mô khám một số bệnh truyền lây nguy hiểm (dại,...): 171.000 - 188.000/mẫu;	- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				+ Mô khám tiêu gia súc (lợn, chó, mèo, thỏ,...): 45.000 - 49.500/mẫu + Mô khám gia cầm: 26.000 - 28.600/mẫu; + Xét nghiệm vi thể bằng phương pháp Parafin: 245.000 - 270.000/mẫu. - Xét nghiệm: + Xét nghiệm vi rút: -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time RT-PCR đối với 01 trong số những vi rút RNA gây bệnh sau: Gia cầm: Newcastle (gà); Gumbro (gà); Viêm phế quản (gà); Cúm gia cầm (1 subtype (gene), vd: H5 hoặc N1 hoặc N6)		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Lợn (Heo): Dịch tả lợn; lở mồm long móng; PRRS (dòng Bắc Mỹ/Trung Quốc hoặc Châu Âu); PED; TGE. Trâu bò: Lở mồm long móng... Khác: Xuất huyết thỏ; Đại và các bệnh do vi rút RNA khác trên động vật. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 555.000 - 610.500/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh (Mẫu đã chiết tách RNA): 229.000 - 252.000/mẫu/chỉ tiêu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phát hiện và định type bằng kỹ thuật RT-PCR đối với 01 trong số những vi rút RNA gây bệnh sau: Gia cầm: xác định subtype cúm gia cầm (1 subtype (gene), vd: H5 hoặc N1 hoặc N6) Lợn (heo): định type vi rút lở mồm long móng (1 serotype O, A hoặc Asia) Trâu bò: định type vi rút lở mồm long móng (1 serotype O, A hoặc Asia) Khác: Phát hiện vi rút RNA khác gây bệnh trên động vật. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc):		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				877.000 - 965.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện và định type bằng kỹ thuật RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách RNA): 212.000 - 233.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time PCR đối với 01 trong số những vi rút DNA gây bệnh sau: <i>Gia cầm: Dịch tả vịt, Marek</i> <i>Lợn: dịch tả lợn Châu phi, PCV-2, giả dại trên lợn</i> <i>Khác: Đậu dê, u nhầy ở thỏ và các bệnh do vi rút DNA khác trên động vật.</i>		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				(Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 495.000 - 544.500/ Mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật Real time PCR đối với 01 vi rút DNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách DNA): 208.000 - 229.000/mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật PCR đối với 01 vi rút DNA gây bệnh trên động vật. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 486.000 - 534.500/ Mẫu/chỉ tiêu -> Phát hiện bằng kỹ thuật PCR đối với 01 vi rút DNA gây bệnh trên động vật.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				(Mẫu đã chiết tách DNA) 187.000 - 206.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Giải trình tự gen cho 24 mẫu (8 đoạn gen/mẫu): 4.767.000 - 5.244.000/mẫu. -> Giải trình tự gen cho 12 mẫu (8 đoạn gen/mẫu): 8.423.000 - 9.266.000/mẫu. -> Giải trình tự gen cho 24 mẫu (1 đoạn gen/mẫu): 2.959.000 - 3.254.000/mẫu. -> Giải trình tự gen cho 12 mẫu (1 đoạn gen/mẫu): 4.275.000 - 4.702.000/mẫu. -> Định tính kháng thể PRRS (1 chủng) bằng phương pháp		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				IPMA: 75.000 - 82.500/mẫu. -> Định lượng kháng thể PRRS (1 chủng) bằng phương pháp IPMA: 203.000 - 223.000/mẫu. -> Định tính kháng thể dịch tả lợn bằng phương pháp NPLA: 89.000 - 98.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể dịch tả lợn bằng phương pháp NPLA: 186.000 - 205.000/mẫu. -> Phân lập trên phôi trứng đối với 01 vi rút gây bệnh trên gia cầm, thủy cầm như cúm, Newcastle, dịch tả vịt, viêm gan vịt và các bệnh khác. (Chưa tính giá xác chẩn lại bằng		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				phương pháp PCR, Realtime PCR, HA hoặc HI,...): 293.000 - 323.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phân lập trên tế bào đối với 01 vi rút như cúm, Newcastle, dịch tả vịt, PRRS, lở mồm long móng, dịch tả lợn và các bệnh khác (Chưa tính giá xác chẩn lại bằng phương pháp PCR, Realtime PCR, HA hoặc HI,...): 385.000 - 424.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Xác định serotype vi rút lở mồm long móng bằng kỹ thuật AgELISA: 549.000 - 604.000/mẫu -> Định tính kháng thể dịch tả vịt bằng phương pháp trung		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hòa trên tế bào: 142.000 - 156.000/mẫu -> Định lượng kháng thể dịch tả vịt bằng phương pháp trung hòa trên tế bào: 178.000 - 196.000/mẫu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng 01 trong số những vi rút gây bệnh dịch tả lợn, PRRS, PCV, PED, TGE, giả dại và các bệnh khác: 152.000 - 167.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Định lượng kháng thể cúm gia cầm bằng phương pháp HI: 86.000 - 95.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Định lượng kháng thể Newcastle bằng phương pháp HI: 46.000 - 50.600/mẫu. -> Định tính kháng thể Gumboro bằng phương pháp AGP: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Định lượng kháng thể Gumboro bằng phương pháp AGP: 43.000 - 47.300/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp trung hòa trên tế bào (1 serotype O hoặc A hoặc Asia1): 191.000 - 210.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp trung hòa trên tế bào (2 serotype trong số 3 serotype O, A và		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Asia1): 313.000 - 344.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp trung hòa trên tế bào (3 serotype O, A và Asia1): 433.000 - 476.000/mẫu. -> Định tính kháng thể LMLM bằng phương pháp LP ELISA (1 serotype O hoặc A hoặc Asia1): 153.000 - 168.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể LMLM bằng phương pháp LP ELISA (1 serotype O hoặc A hoặc Asia1): 252.000 - 277.000/mẫu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				3ABC đối với kháng thể kháng vi rút gây bệnh lở mồm long móng: 191.000 - 210.000/mẫu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng một trong số những vi rút gây bệnh như Gumboro (gà), viêm phế quản (gà), viêm thanh khí quản (gà), Avian leukosis và các bệnh khác: 108.000 - 119.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng một vi rút gây bệnh khác: 108.000 - 119.000/mẫu/chỉ tiêu		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phát hiện vi rút đại bằng phương pháp kháng thể huỳnh quang trực tiếp (FAT) hoặc IPX: 265.000 - 292.000/mẫu. -> Phát hiện kháng nguyên vi rút dịch tả lợn bằng phương pháp ELISA: 153.000 - 168.000/mẫu. + Xét nghiệm vi trùng: -> Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí: 168.000 - 184.000/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Salmonella</i> spp: 280.000 - 308.500/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i>: 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>E.coli</i>: 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Staphylococcus Spp</i>: 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa vi khuẩn <i>Streptococcus Spp</i>: 280.000 - 308.500/mẫu. -> Phân lập, giám định sinh hóa nấm mốc <i>Aspergillus</i> trên gia cầm: 280.000 - 308.500/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phân lập, giám định vi khuẩn gây bệnh bạch ly và thương hàn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, định typs vi khuẩn gây bệnh Tụ huyết trùng ở trâu bò bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn gây bệnh Đóng dấu bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700 -> Phân lập, giám định vi khuẩn gây bệnh Nhiệt thán bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Heamophilus paragallinarum</i> trên gà bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>E.coli</i> gây phù đầu trên lợn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>E.coli</i> gây tiêu chảy trên lợn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> bằng phương pháp PCR:		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Streptococcus suis</i> bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Heamophilus parasuis</i> gây bệnh ở lợn bằng phương pháp PCR: 397.000 - 436.700/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Clostridium perfringens</i> bằng phương pháp PCR: 666.000 - 733.000/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Clostridium</i>		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<i>chauvoei</i> bằng phương pháp PCR: 666.000 - 733.000/mẫu. -> Phân lập, giám định vi khuẩn <i>Clostridium spp.</i> bằng phương pháp PCR: 666.000 - 733.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Mycoplasma hyopneumoniae</i> bằng phương pháp ELISA: 104.000 - 114.400/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Mycoplasma galliseptium</i> bằng phương pháp ELISA: 104.000 - 114.400/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Actinobaccilus Pleuro Pneumonia</i>		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				bằng phương pháp ELISA: 192.000 - 211.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Heamophilus parasuis</i> bằng phương pháp ELISA: 104.000 - 114.400/mẫu. -> Phát hiện kháng thể lao bò bằng phương pháp ELISA: 281.000 - 309.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Mycoplasma gallisepticum</i> ở gia cầm bằng phương pháp ngưng kết: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Salmonella pullorum</i> ở gia cầm bằng phương pháp		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				ngưng kết: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Phát hiện kháng thể kháng các vi khuẩn khác bằng phương pháp ngưng kết nhanh: 37.000 - 40.700/mẫu. -> Phản ứng dò lao (Tuberculine) nội bì/gộp 5 mẫu: 321.000 - 353.000/mẫu. -> Kháng sinh đồ đối với 01 vi khuẩn hiếu khí (7 loại kháng sinh): 122.000 - 134.000/mẫu. -> Kháng sinh đồ đối với 01 vi khuẩn yếm khí (7 loại kháng sinh): 151.000 - 166.000/mẫu. -> Định lượng kháng thể tụ huyết trùng		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				trâu bò bằng phương pháp IHA: 164.000 - 180.000/mẫu. -> Phát hiện vi khuẩn <i>Actinobaccilus Pleuropneumonia</i> bằng phương pháp Realtime-PCR: 512.000 - 563.000/mẫu -> Phát hiện vi khuẩn <i>Mycoplasma hyopneumoniae</i> bằng phương pháp Realtime-PCR: 512.000 - 563.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Sảy thai truyền nhiễm bằng phương pháp Elisa: 120.000 - 132.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Sảy thai truyền		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				nhiễm bằng phương pháp Rose Bengal: 76.000 - 83.600/mẫu. -> Phân lập vi khuẩn <i>Brucella</i> bằng phương pháp nuôi cấy: 269.000 - 296.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể <i>Leptospira</i> bằng phương pháp MAT: 94.000 - 103.000/mẫu. -> Phát hiện kháng nguyên <i>Leptospira</i> bằng phương pháp nuôi cấy: 288.000 - 317.000/mẫu. -> Phát hiện kháng nguyên <i>Leptospira</i> hoặc <i>Brucella</i> bằng phương pháp PCR: 555.000 - 610.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phân lập, định danh vi khuẩn bằng máy tự động: 396.000 - 436.000/mẫu. + Xét nghiệm ký sinh trùng: -> Phát hiện 01 loại ký sinh trùng đường máu (<i>Babesia</i> spp.; <i>Anaplasma</i> spp.; <i>Theileria</i> spp.; <i>Trypanosoma</i> spp.) bằng phương pháp PCR: 556.000 - 612.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện kháng thể kháng 01 trong số những ký sinh trùng như: <i>Babesia bigemina</i>; <i>Anaplasma marginale</i>; <i>Theileria parva</i> bằng phương pháp ELISA:		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				214.000 - 236.000/mẫu/chỉ tiêu. -> Phát hiện 01 ký sinh trùng đường máu bằng phương pháp nhuộm Giemsa: 72.000 - 79.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Tiên mao trùng bằng phương pháp CATT: 150.000 - 165.000/mẫu. -> Phát hiện <i>Trichomonas foetus</i> bằng phương pháp nuôi cấy: 413.000 - 455.000/mẫu. -> Phát hiện ấu trùng giun xoắn bằng phương pháp tiêu cơ: 156.000 - 172.000/mẫu		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				-> Phát hiện Tiên mao trùng bằng kỹ thuật tiêm truyền trên chuột nhắt trắng: 78.000 - 86.000/mẫu. -> Phát hiện ký sinh trùng đường tiêu hóa bằng phương pháp lắng cận-phủ nổi: 59.000 - 65.000/mẫu. -> Phát hiện trứng sán bằng phương pháp lắng cận: 32.000 - 35.000/mẫu. -> Phát hiện trứng giun tròn, noãn nang cầu trùng, bằng phương pháp phủ nổi: 33.000 - 37.000/mẫu. -> Định lượng trứng giun tròn, noãn nang cầu trùng, bào tử bằng phương pháp		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Mc Master: 41.000 - 45.000/mẫu. -> Phát hiện ngoại ký sinh trùng: 29.000 - 32.000/mẫu. -> Phát hiện kháng thể Tiên mao trùng bằng phương pháp ngưng kết: 91.000 - 100.000/mẫu. * Thủy sản: - Phát hiện bằng phương pháp Realtime PCR đối với 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn hoặc 01 ký sinh trùng gây bệnh sau: - Vi rút gây bệnh: WSSV, KHV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Vi khuẩn gây bệnh: AHPND, vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mủ trên cá da trơn và các vi khuẩn khác gây bệnh trên động vật thủy sản - Ký sinh trùng gây bệnh: bệnh do ký sinh trùng perkinsus và các ký sinh trùng khác gây bệnh trên động vật thủy sản (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc) 514.000 - 566.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn gây bệnh bằng phương pháp Realtime PCR (Mẫu đã chiết tách DNA):		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				233.000 - 256.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp PCR đối với 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn hoặc 01 nấm hoặc 01 ký sinh trùng gây bệnh sau: + Vi rút gây bệnh: MBV, WSSV, IHHNV, HPV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. +Vi khuẩn gây bệnh: Sứa trên tôm hùm, AHPND, vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i> gây bệnh trên cá, vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mũ trên cá da trơn và các vi khuẩn		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				khác gây bệnh trên động vật thủy sản. +Ký sinh trùng, nấm gây bệnh: EUS, bệnh vi bào tử trên tôm, bệnh do ký sinh trùng perkinsus và các ký sinh trùng khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 473.000 - 520.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp PCR đối với 01 vi rút DNA hoặc 01 vi khuẩn hoặc 01 nấm hoặc 01 ký sinh trùng gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách DNA): 233.000 -		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				256.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh sau: Vi rút gây bệnh: YHV, TSV, VNN, SVCV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 439.000 - 483.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách RNA): 201.000 -		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				221.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh sau: Vi rút gây bệnh: YHV, TSV, VNN, IMNV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 589.000 - 648.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bằng phương pháp RT-PCR đối với 01 vi rút RNA gây bệnh. (Mẫu đã chiết tách RNA): 286.000 - 314.000/mẫu/chỉ tiêu. - Xét nghiệm vi thể bằng phương pháp		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				parafin: 244.000 - 268.000/mẫu. - Kháng sinh đồ đổi với vi khuẩn (7 loại kháng sinh): 118.000 - 130.000/mẫu. - Định lượng vi khuẩn tổng số: 188.000 - 207.000/mẫu. - Định lượng Vibrio tổng số: 188.000 - 207.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Staphylococcus spp</i> : 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Streptococcus spp</i> : 372.000 - 410.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Pseudomonas spp</i>: 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Aeromonas spp</i>: 372.000 - 410.000/mẫu. - Phân lập và giám định loài vi khuẩn <i>Ewardsiella spp</i>: 372.000 - 410.000/mẫu - Phân lập và giám định loài vi khuẩn (1 chủng): 372.000 - 410.000/mẫu - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Staphylococcus spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Streptococcus spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Pseudomonas spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Aeromonas spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn <i>Ewardsiella spp</i>: 275.000 - 303.000/mẫu. - Phân lập và giám định vi khuẩn (1 chủng): 275.000 - 303.000/mẫu.		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Phát hiện ký sinh trùng bằng phương pháp soi tươi: 36.500 - 40.000/mẫu. - Phân lập trên tế bào đối với các vi rút như: VNN, SVCV, KHV và các vi rút khác gây bệnh trên động vật thủy sản. (Mẫu xét nghiệm là mẫu nguyên gốc): 236.000 - 259.000/mẫu/chỉ tiêu. - Phát hiện bào tử ký sinh trùng bằng kỹ thuật nuôi cấy (RFTM): 119.000 - 131.000/mẫu/chỉ tiêu. (theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)		
4	1.011479 Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Phí: 3.500.000 đồng/lần (theo khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	1.002338. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	(1) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: a) Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. b) Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc cán bộ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện được Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quyết định ủy quyền. - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Lệ phí: - Phí kiểm tra lâm sàng động vật: + Trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, đà điểu: 50.000 đồng/xe ô tô/xe chuyên dụng; + Lợn: 60.000 đồng/xe ô tô/xe chuyên dụng; + Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng/xe ô tô/xe chuyên dụng; + Gia cầm: 35.000 đồng/ xe ô tô/xe chuyên dụng; + Chó, mèo, khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn, trăn, cá sấu,	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng	Cắt giảm thời gian giải quyết 01 ngày làm việc so với quy định đối với trường hợp động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT): Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. (2) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh a) Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. b) Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát		kỳ đà, rắn, tắc kè, thần lằn, rùa, kỳ nhông, thỏ, chuột nuôi thí nghiệm, ong nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch: 100.000 đồng/xe ô tô/xe chuyên dụng; - Giám sát cách ly kiểm dịch: + Đối với động vật giống (bao gồm cả thủy sản): 800.000	cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	Luật Thú y

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.		đồng/ Lô hàng + Đối với động vật thương phẩm (bao gồm cả thủy sản): 500.000 đồng/ Lô hàng - Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (chưa bao gồm chi phí xét nghiệm) + Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000 đồng/Lô hàng; +Kiểm dịch thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô,	23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				sấy, ướp muối, ướp lạnh, đóng hộp; Lạp xương, pa tê, xúc xích, dăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến; Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa; Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng; Trứng gia cầm giống, trứng tằm; phôi, tinh dịch động vật; Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				thành phần có nguồn gốc từ động vật; Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật; da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối; Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật: Hổ, báo, cầy, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác;		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác; Răng sừng, móng, ngà, xương của động vật; Tổ yến, sản phẩm từ yến; Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong; Kén tằm: 100.000 đồng/Lô hàng.		
6	2.000873. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y: + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa	Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc cán bộ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện được Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quyết định ủy quyền.	- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000 đồng/lô hàng (xe ô tô) - Giám sát cách ly kiểm dịch: + Đối với động vật giống thủy sản: 800.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô; + Đối với động vật thủy sản thương	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát	Cắt giảm thời gian giải quyết 1,5 ngày làm việc so với quy định đối với

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		điểm và thời gian kiểm dịch + Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.	- Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	phẩm: 500.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô; - Chi phí xét nghiệm bệnh: + Đối với tôm giống: 1.261.000 đồng - 1.782.000 đồng/từ 03 - 05 chỉ tiêu bệnh (WSSV, YHV, TSV, AHPND, IHHNV). + Ngao giống, cá giống, các loài giáp xác: 473.000 đồng - 520.000 đồng/mẫu/chỉ tiêu.	triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy	trường hợp động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.	
7	1.001686. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường	Phí: 230.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.	Cắt giảm thời gian giải quyết 2 ngày làm việc so

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Thị, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý thuốc thú y.	với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
8	2.001064. Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	Cắt giảm thời gian giải quyết 02 ngày làm việc so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)					
9	1.005319. Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	Cắt giảm thời gian giải quyết 01 ngày làm việc so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	1.004839. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp	Cắt giảm thời gian giải quyết 2 ngày làm việc so với quy định

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.	
11	1.004022. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Phí: 900.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Thông tư số 13/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	Cắt giảm thời gian giải quyết 05 ngày làm việc so với quy định
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI					
1	1.012836. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	- Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần; - Tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo: trong thời hạn 80 ngày, tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	Cắt giảm thời gian giải quyết 10 ngày so với quy định
2	1.012837. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn đề	Thực hiện hỗ trợ kinh phí: trong thời hạn 35 ngày tính từ ngày nhận	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	Không	Điều 7, Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy	Cắt giảm thời gian giải

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	quyết 05 ngày so với quy định

PHẦN 2

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
VÀ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**

1) 1.008126 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	04 giờ làm việc	Một phần
Bước 2	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y nhận hồ sơ (điện tử) và phân	04 giờ làm việc	

		Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.		
		Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y : - Nhận hồ sơ (điện tử) và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) và xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. - Tham mưu, trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình lãnh đạo Sở ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở. - Tổng hợp, tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo phòng.	- 120 giờ làm việc đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc - 40 giờ làm việc đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thức ăn chăn nuôi truyền thống	
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Thẩm định, xem xét, xác nhận Dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Chi cục.	04 giờ làm việc	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: - Kiểm tra, chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	04 giờ làm việc	
		Chi cục trưởng: - Xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Ký nháy số trình kết quả thẩm định, tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo sở	04 giờ làm việc	

Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, chuyển kết quả về cho Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường.	12 giờ làm việc	
Bước 5	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lấy số văn bản, đóng dấu, chuyển trả kết quả cho Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đồng thời lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho lưu trữ của tỉnh.	04 giờ làm việc	
Bước 6	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	4 giờ làm việc	
Tổng thời gian thực hiện		160 giờ làm việc (20 ngày làm việc) 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc) đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng.		

2) 1.008127. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 giờ làm việc	Toàn trình

		tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Nhận hồ sơ (điện tử) và phân Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc	
Bước 3	Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Nhận hồ sơ (điện tử) và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) và xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. - Tham mưu, trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình lãnh đạo Sở ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi. - Tổng hợp, tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo phòng.	12 giờ làm việc	
Bước 4	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Thẩm định, xem xét, xác nhận Dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Chi cục.	04 giờ làm việc	
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: Kiểm tra, chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	04 giờ làm việc	
		Chi cục trưởng: - Xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Ký nháy số trình kết quả tham định, tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Sở.	04 giờ làm việc	
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư	04 giờ làm việc	
Bước 7	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành	04 giờ làm việc	

		chính tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).		
Bước 8	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyển đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	02 giờ làm việc	
Tổng thời gian thực hiện tại các bước		40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)		

3) 1.008128. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	4 giờ làm việc	Một phần
Bước 2	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y nhận hồ sơ (điện tử) và phân	4 giờ làm việc	

		Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.		
		Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y : - Nhận hồ sơ (điện tử) và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) và xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. - Tham mưu, trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình lãnh đạo Sở ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở. - Tổng hợp, tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo phòng.	120 giờ làm việc	
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Thẩm định, xem xét, xác nhận Dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Chi cục.	8 giờ làm việc	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: Kiểm tra, chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	04 giờ làm việc	
		Chi cục trưởng: - Xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - ký nháy số trình kết quả thẩm định, tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo sở	04 giờ làm việc	

Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, chuyển kết quả về cho Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường.	8 giờ làm việc	
Bước 5	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lấy số văn bản, đóng dấu, chuyển trả kết quả cho Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đồng thời lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho lưu trữ của tỉnh.	04 giờ làm việc	
Bước 6	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	4 giờ làm việc	
Tổng thời gian thực hiện		160 giờ làm việc (20 ngày làm việc)		

4) 1.008129. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y Nghệ An để xử lý hồ sơ	2 giờ làm việc	Toàn trình

		đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Công chức, viên chức phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc	
Bước 3	Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định nội dung hồ sơ. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo phòng.	12 giờ làm việc	
Bước 4	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả TTHC trước khi trình Lãnh đạo Chi cục ký, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Chi cục.	04 giờ làm việc	
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: - Kiểm tra, chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	04 giờ làm việc	
		Chi cục trưởng: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả TTHC. - Ký nháy số trình kết quả thẩm định, tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Sở.	04 giờ làm việc	
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư	04 giờ làm việc	
Bước 7	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	04 giờ làm việc	

		(chuyển kết quả điện tử và bản giấy).		
Bước 8	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyển đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	02 giờ làm việc	
Tổng thời gian thực hiện tại các bước			40 giờ làm việc (05 ngày làm việc)	

5) 1.012832. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và thú y để xử lý hồ sơ đồng thời Chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	2 giờ	Một phần
Bước 2	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Trưởng phòng Chăn nuôi nhận hồ sơ (điện tử) và phân công công chức, viên chức trong phòng xử lý hồ sơ.	4 giờ	
		- Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi:	72 giờ	

		+ Nhận hồ sơ (điện tử) và hồ sơ giấy, xem xét thẩm định hồ sơ. + Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm tra điều kiện hỗ trợ, gồm: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Chủ tịch hội đồng, Chi cục Chăn nuôi và Thú y là đầu mối, và các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng công trình; các Sở: Tài chính và các sở, đơn vị liên quan tiến hành thẩm tra theo quy định. + Tổng hợp, tham mưu dự thảo kết quả thẩm tra. Chuyển hồ sơ (điện tử) đến trưởng phòng Chăn nuôi.		
		Trưởng phòng phòng Chăn nuôi thẩm định, xem xét hồ sơ, xác nhận dự thảo kết quả TTHC. Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Phó Chi cục trưởng.	4 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: Kiểm tra kết quả TTHC. Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	4 giờ	
		Chi cục trưởng: - Xem xét, kiểm tra ký nháy vào kết quả TTHC trước khi trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.	4 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, ký phê duyệt kết quả TTHC. Chuyển hồ sơ (điện tử) đến văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường.	8 giờ	

Bước 5	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Lấy số văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	4 giờ	
Bước 6	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả từ văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	2 giờ	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		104 giờ làm việc (13 ngày)		

6) 1.012833. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và thú y để xử lý hồ sơ đồng thời Chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	2 giờ	Một phần
Bước 2	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Trưởng phòng Chăn nuôi nhận hồ sơ (điện tử) và phân công công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	4 giờ	
		- Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi:	156 giờ	

		+ Nhận hồ sơ (điện tử) và hồ sơ giấy, thẩm định hồ sơ. + Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng nghiệm thu, gồm: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Chủ tịch hội đồng, Chi cục Chăn nuôi và Thú y là đầu mối và các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý Kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng công trình; các Sở: Tài chính, Xây dựng và các sở, đơn vị liên quan. Tiến hành nghiệm thu tại thực địa. - Tổng hợp, lập biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu. - Lập Phiếu trình, dự thảo tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến trưởng phòng Chăn nuôi.		
		Trưởng phòng Chăn nuôi thẩm định, xem xét hồ sơ, xác nhận dự thảo kết quả TTHC và Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Phó Chi cục trưởng.	4 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: Kiểm tra, chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	5 giờ	
		Chi cục trưởng: - Xem xét, kiểm tra ký số vào phiếu trình và ký văn bản đề nghị ban hành Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.	5 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, ký phê duyệt kết quả TTHC. Chuyển hồ sơ (điện tử) đến văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường.	12 giờ	
	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	4 giờ	

		Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.		
Bước 6	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công công chức tham mưu, xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc	
Bước 8	Công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Kiểm tra xem xét hồ sơ TTHC. - Tham mưu Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân trình lãnh đạo phê duyệt. - Chuyển văn thư lấy số phát hành văn bản. Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đồng thời lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho lưu trữ kết quả giải quyết vào TTHC vào kho lưu trữ của tỉnh	34 giờ làm việc	
Bước 9	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Gửi kết quả gửi Sở Tài chính. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	02 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		- Sở Nông nghiệp và Môi trường: 216 giờ (27 ngày, tính mỗi ngày 8 giờ); - Ủy ban nhân dân tỉnh: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc, tính mỗi ngày 8 giờ làm việc).		

7) 1.012834. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	02 giờ	Một phần

		tỉnh trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và thú y để xử lý hồ sơ đồng thời Chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.		
Bước 2	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Trưởng phòng Chăn nuôi nhận hồ sơ (điện tử) và phân công công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	4 giờ	
		- Công chức, viên chức phòng Chăn nuôi: + Nhận hồ sơ (điện tử) và hồ sơ giấy, thẩm định hồ sơ. + Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định, gồm: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Chủ tịch hội đồng, Chi cục Chăn nuôi và Thú y là đầu mối và các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý Kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng công trình; các Sở: Tài chính và các sở, đơn vị liên quan. Tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế trong trường hợp cần thiết. + Lập Phiếu trình, dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân hoặc văn bản trả lời kết quả cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp từ chối. + Chuyển các hồ sơ đến trưởng phòng Chăn nuôi.	106 giờ	
		Trưởng phòng Chăn nuôi thẩm định, xem xét hồ sơ, xác nhận dự thảo kết quả TTHC và Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Phó Chi cục trưởng.	4 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phó Chi cục trưởng: - Kiểm tra, chuyển hồ sơ (điện tử) đến Chi cục trưởng.	5 giờ	

		Chi cục trưởng: - Xem xét, kiểm tra, ký số vào phiếu trình và ký nháy vào văn bản trả lời trường hợp không đạt hoặc văn bản đề nghị Sở ban hành Tờ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ trước khi trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.	5 giờ	
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Trường hợp 1: Kết quả thẩm định đạt yêu cầu + Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách: ký số vào phiếu trình và trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt. + Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: ký số vào văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Chuyển văn thư Sở lấy số phát hành. - Trường hợp 2: Kết quả thẩm định không đạt yêu cầu: Phó giám đốc Sở ký văn bản trả lời và chuyển Văn thư lấy số phát hành.	12 giờ	
Bước 6	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Trường hợp 1: Kết quả thẩm định đạt yêu cầu + Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh - Trường hợp 2: Kết quả thẩm định không đạt yêu cầu + Lấy số văn bản, đóng dấu bằng ký số chuyển trả kết quả cho công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Đồng thời lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho lưu trữ của tỉnh	4 giờ	
Bước 7	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công công chức tham mưu, xử lý hồ sơ.	Không định gian	quy thời

Bước 8	Công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nhận hồ sơ (điện tử), xem xét tham mưu cho lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. - Chuyển văn thư lấy số phát hành văn bản. Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đồng thời lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho lưu trữ của tỉnh	Không quy định thời gian	
Bước 9	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 144 giờ (18 ngày) tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.		

II. LĨNH VỰC THÚ Y

1) 1.011475. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC				
Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.	2 giờ	Một phần

		- Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.		
Bước 2	Phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công cán bộ, công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	4 giờ	
		Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu thành lập đoàn kiểm tra tại cơ sở. - Tiến hành kiểm tra tại cơ sở, biên bản kiểm tra tại cơ sở. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	- 112 giờ đối với trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định. - 152 giờ đối với trường hợp phải khắc phục lỗi theo quy định.	
		- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC.	4 giờ	

		- Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư	8 giờ	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy (nếu TTHC chưa công bố không tiếp nhận văn bản giấy)	4 giờ	
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		- 136 giờ (17 ngày) đối với trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định. - 176 (22 ngày) giờ đối với trường hợp phải khắc phục theo quy định.		

2) 1.011477. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý dịch bệnh - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	2 giờ làm việc	Toàn trình
Bước 2	Lãnh đạo phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công cán bộ, công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ. Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu thành lập đoàn kiểm tra tại cơ sở. - Tiến hành kiểm tra tại cơ sở, biên bản kiểm tra tại cơ sở. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	4 giờ làm việc 24 giờ làm việc	

		- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	2 giờ làm việc	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư	2 giờ làm việc	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy (nếu TTHC chưa công bố không tiếp nhận văn bản giấy))	4 giờ làm việc	
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)		

3) 1.011478. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

Thứ tự	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCTT mức độ
--------	------------------------	--------------------	---	--------------

công việc				
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y	2 giờ	Một phần
Bước 2	Phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công cán bộ, công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	8 giờ	
		Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu thành lập đoàn kiểm tra tại cơ sở. - Tiến hành kiểm tra tại cơ sở, biên bản kiểm tra tại cơ sở. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	- 212 giờ đối với trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định. - 252 giờ đối với trường hợp phải khắc phục lỗi theo quy định.	

		- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	4 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư	8 giờ	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy (nếu TTHC chưa công bố không tiếp nhận văn bản giấy))	4 giờ	
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ	
Tổng thời gian thực hiện các bước		- 240 giờ (30 ngày) đối với trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định. - 280 giờ (35 ngày) đối với trường hợp phải khắc phục lỗi theo quy định.		

4) 1.011479 Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

TT	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y	2 giờ làm việc	Toàn trình
Bước 2	Phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công cán bộ, công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	4 giờ làm việc	
		Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu thành lập đoàn kiểm tra tại cơ sở. - Tiến hành kiểm tra tại cơ sở, biên bản kiểm tra tại cơ sở. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	20 giờ làm việc	

		- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	4 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư	4 giờ làm việc
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy (nếu TTHC chưa công bố không tiếp nhận văn bản giấy))	4 giờ làm việc
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nhận kết quả. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ
Tổng thời gian giải quyết TTHC		40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)	

5) 1.002338. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật/sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Quy trình xử lý công việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền bởi Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ tại khu vực kiểm dịch viên động vật được phân công trên địa bàn các huyện.	- 2 giờ làm việc (đối với động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh, hoặc phòng bệnh bằng vắc xin còn miễn dịch) - 4 giờ làm việc (đối với các trường hợp còn lại)	Một phần
		Thực hiện Kiểm dịch tại cơ sở kiểm dịch động vật	- 4 giờ làm việc (đối với động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh, hoặc phòng bệnh bằng vắc xin còn miễn dịch) - 24 giờ làm việc (đối với các trường hợp còn lại)	
		Cấp giấy chứng nhận	- 1 giờ (đối với động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh, hoặc phòng bệnh bằng vắc xin còn miễn dịch) - 2 giờ (đối với các trường hợp còn lại)	
Bước 2	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền bởi Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	- 1 giờ làm việc (đối với động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh, hoặc phòng bệnh bằng vắc xin còn miễn dịch) - 2 giờ làm việc (đối với các trường hợp còn lại)	

Tổng thời gian giải quyết TTHC	- 8 giờ làm việc (01 ngày làm việc) đối với động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh, hoặc phòng bệnh bằng vắc xin còn miễn dịch. - 32 giờ làm việc (4 ngày làm việc) đối với các trường hợp còn lại.	
---------------------------------------	--	--

6) 2.000873. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Quy trình xử lý công việc				
Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền bởi Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ tại khu vực kiểm dịch viên động vật được phân công.	2 giờ làm việc	Một phần
		- Xem xét, thẩm định hồ sơ -Thực hiện Kiểm dịch tại cơ sở kiểm dịch động vật	- 4 giờ làm việc (đối với thủy sản xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh). - 16 giờ làm việc (đối với các trường hợp còn lại).	
		- Cấp giấy chứng nhận	1 giờ làm việc	

Bước 2	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền bởi Chi cục Chăn nuôi và Thú y	- Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	1 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			- 8 giờ làm việc (1 ngày làm việc) đối với xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh, được giám sát bệnh. - 20 giờ làm việc (2,5 ngày làm việc) đối với các trường hợp còn lại.	

7) 1.001686. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời	4 giờ làm việc	Một phần

		chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.		
Bước 2	Phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	4 giờ làm việc	
		Công chức, viên chức được phân công xử lý: - Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu thành lập đoàn kiểm tra tại cơ sở, tiến hành kiểm tra và lập biên bản. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	26 giờ làm việc	
		Lãnh đạo phòng: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	4 giờ làm việc	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư.	4 giờ làm việc	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	4 giờ làm việc	
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyên đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		48 giờ làm việc (6 ngày làm việc)		

8) 2.001064. Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ (điện tử) và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ (điện tử). Chuyển hồ sơ (điện tử) đến phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ.	2 giờ làm việc	Toàn trình
Bước 2	Phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng: Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	2 giờ làm việc	
		Công chức, viên chức được phân công xử lý: - Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	6 giờ làm việc	
		Lãnh đạo phòng: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC.	4 giờ làm việc	

		- Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư.	4 giờ làm việc	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	4 giờ làm việc	
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyên đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		24 giờ làm việc (3 ngày làm việc)		

9) 1.005319. Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.	2 giờ làm việc	Toàn trình

		- Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.		
Bước 2	Phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng: Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	2 giờ làm việc	
		Công chức, viên chức được phân công xử lý: - Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	4 giờ làm việc	
		Lãnh đạo phòng: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	2 giờ làm việc	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư.	2 giờ làm việc	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	2 giờ làm việc	

Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyên đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)		

10) 1.004839. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	4 giờ làm việc	Toàn trình

Bước 2	Phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng: Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	2 giờ làm việc
		Công chức, viên chức được phân công xử lý: - Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	6 giờ làm việc
		Lãnh đạo phòng: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	4 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư.	4 giờ làm việc
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy số, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	2 giờ làm việc
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyên đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		24 giờ làm việc (3 ngày làm việc)	

11) 1.004022. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	DVCTT mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. - Trường hợp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	2 giờ làm việc	Toàn trình
Bước 2	Phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo phòng: Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	2 giờ làm việc	
		Công chức, viên chức được phân công xử lý: - Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định hồ sơ. - Tham mưu dự thảo kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét, chuyển hồ sơ điện tử đến lãnh đạo phòng.	24 giờ làm việc	
		Lãnh đạo phòng: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC trước khi trình lãnh đạo Chi cục ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo Chi cục.	4 giờ làm việc	

Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ký số phê duyệt kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, chuyển kết quả về cho Văn thư.	4 giờ làm việc	
Bước 4	Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lấy sổ, vào sổ văn bản, đóng dấu bằng ký số đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, phát hành văn bản và gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	2 giờ làm việc	
Bước 5	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An	- Nhận kết quả từ đơn vị chuyển đến. - Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	2 giờ làm việc	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1) 1.012836. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCT T mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo quy định.	2 giờ	Một phần

		- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và đưa lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Nông nghiệp và Môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện.		
Bước 2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường nhận hồ sơ và phân công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	8 giờ	
		Công chức, viên chức phòng Nông nghiệp và Môi trường: - Nhận hồ sơ, tham mưu, tổ chức thẩm định hồ sơ; phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương tổ chức nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc theo quy định. - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo phòng	636 giờ	
		Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường: - Đối chiếu lại kết quả của Hồ sơ; - Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả TTHC; Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện.	16 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Kiểm tra thể thức văn bản; - Ký nháy bằng ký số vào dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt.	16 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	Ký số phê duyệt kết quả TTHC. Chuyển Văn thư Ủy ban nhân dân cấp huyện	32 giờ	
Bước 5	Văn thư Ủy ban nhân dân cấp huyện	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC, gửi kết quả cho công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết	8 giờ	

		quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (chuyển kết quả điện tử và bản giấy)		
Bước 6	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh - Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Gửi kết quả thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;	2 giờ	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			720 giờ (90 ngày)	

2) 1.012837. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ)	DVCT T mức độ
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đạt yêu cầu, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và đưa lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, in phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. Chuyển hồ sơ đến phòng Nông nghiệp và Môi trường của	4 giờ	Một phần

		Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý hồ sơ đồng thời chuyển hồ sơ giấy về Phòng Nông nghiệp và Môi trường		
Bước 2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường nhận hồ sơ và phân công chức, viên chức trong phòng thẩm tra, xử lý hồ sơ.	8 giờ	
		Công chức phòng Nông nghiệp và Môi trường: - Nhận hồ sơ, tham mưu thẩm định hồ sơ; - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến lãnh đạo phòng;	104 giờ	
		Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường: - Đối chiếu lại kết quả của hồ sơ; - Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả TTHC;	8 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Kiểm tra thể thức văn bản; - Ký nháy bằng ký số vào dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt.	8 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	Kiểm tra, Ký phê duyệt kết quả TTHC. Chuyển Văn thư Ủy ban nhân dân cấp huyện	16 giờ	
Bước 5	Văn thư Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Trường hợp 1: Thẩm định đạt yêu cầu Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, gửi kết quả cho Phòng/bộ phận Kế toán-Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc phòng chuyên môn cấp huyện có chức năng tương tự). Trường hợp 2: Thẩm định không đạt yêu cầu: Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC, gửi kết quả cho công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (chuyển kết quả điện tử và bản giấy)	8 giờ	

Bước 6	Phòng/bộ phận kế toán – Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc phòng chuyên môn cấp huyện có chức năng tương tự)	Đối với trường hợp thẩm định đạt yêu cầu: - Nhận hồ sơ (điện tử) và xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ; - Lập và chuyển hồ sơ thanh toán trình Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Hoàn tất thủ tục gửi kho bạc nhà nước chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản của tổ chức, cá nhân; - Gửi kết quả giấy chuyển tiền về Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	160 giờ	
Bước 7	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC; Xác nhận lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, kết thúc hồ sơ.	2 giờ	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			320 giờ (40 ngày)	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN